

Phụ lục V
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Appendix V

CORPORATE GOVERNANCE STATUS REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Issued together with Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020
of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
SAIGON THUONG TIN REAL ESTATE
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Số: 132/2026/CV-TTCLAND
No. 132/2026/CV-TTCLAND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 28, 2026

BÁO CÁO
Tình hình quản trị công ty
6 tháng năm 2026

Report on corporate governance for 6 months of 2026

Kính gửi/To:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Stock Exchange*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN THƯƠNG TÍN
- *Company Name: SAIGON THUONG TIN REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY*
- Địa chỉ trụ sở chính: 512 Lý Thường Kiệt, Phường Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh
- *Address: 512 Ly Thuong Kiet Street, Tan Son Nhat Ward, Ho Chi Minh City*
- Điện thoại: 028.38249988 Fax: 028.38249977 Email: info@ttcland.vn
- *Phone: 028.38249988 Fax: 028.38249977 Email: info@ttcland.vn*
- Vốn điều lệ: 4.305.950.360.000 đồng
- *Charter capital: VND 4,305,950,360,000*
- Mã chứng khoán: SCR
- *Stock Code: SCR*
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị.
- *Corporate Governance Model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.*
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.
- *The implementation of internal audit: Implemented.*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/ Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved via written ballot):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định No. Resolution/ Decision	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025. <i>Approval of the Audited Financial Statements for 2025.</i>
2	02/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2026. <i>Approval of the list of independent audit firms and authorization for the Board of Directors to decide on the selection of the independent auditing firm for 2026.</i>
3	03/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025. <i>Approval of the Profit Distribution Plan for 2025.</i>
4	04/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2026. <i>Approval of the Business Plan for 2026.</i>
5	05/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và dự trù chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026. <i>Approval of remuneration, operating expenses of the Board of Directors, and the estimated operating expenses of the Board of Directors for 2026.</i>
6	06/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trần Văn An <i>Approval of the dismissal of Mr. Tran Van An as a member of the Board of Directors</i>
7	07/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua danh sách ứng viên bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị. <i>Approval of the list of candidates for the supplementary election of members of the Board of Directors.</i>
8	08/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị <i>Approval of amendments and supplements to a number of articles of the Company's Charter, Internal Regulations on Corporate Governance, and Regulations on Organization and Operation of the Board of Directors</i>
9	09/2026/NQ-ĐHĐCĐ	23/04/2026	Thông qua việc phát hành cổ phiếu SCR để hoán đổi cổ phần CTCP Thành Thành Nam do các nhà đầu tư nắm giữ

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định No. Resolution/ Decision	Ngày Date	Nội dung Content
			Approval of the issuance of SCR shares to swap for shares of Thanh Thanh Nam JSC held by investors

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ Board of Directors (Report for 6 months of 2026):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ Information on members of the Board of Directors (BOD):

Stt No.	Thành viên HĐQT Member of the BOD	Chức vụ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) (Independent Member of the BOD, Non-executive Member of the BOD)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập Date of commencement/ cessation as a member of the BOD/Independent Member of the BOD	
			Ngày bổ nhiệm Date of Appointment	Ngày miễn nhiệm Date of Dismissal
1	Ông Nguyễn Thành Chương Mr. Nguyen Thanh Chuong	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	23/04/2024	
2	Ông Nguyễn Thái Sơn Mr. Nguyen Thai Son	Thành viên HĐQT Member of the BOD	24/04/2025	
3	Ông Nguyễn Văn Hòa Mr. Nguyen Van Hoa	Thành viên HĐQT độc lập Independent Member of the BOD	24/04/2025	
4	Ông Nguyễn Văn Bảnh Mr. Nguyen Van Banh	Thành viên HĐQT không điều hành Non-Executive Member of the BOD	24/04/2025	
5	Ông Tô Hoài Long Mr. To Hoai Long	Thành viên HĐQT Member of the BOD	23/04/2026	
6	Ông Trần Văn An Mr. Tran Van An	Thành viên HĐQT Member of the BOD	24/04/2025	23/04/2026

2. Các cuộc họp HĐQT/ The Board of Directors Meetings

Stt No.	Thành viên HĐQT BOD member	Số buổi họp HĐQT tham dự Number of BOD Meetings Attended	Tỷ lệ tham dự họp Meeting Attendance Rate	Lý do không tham dự họp Reasons for Non-Attendance
1	Ông Nguyễn Thành Chương Mr. Nguyen Thanh Chuong	10/10	100%	
2	Ông Nguyễn Thái Sơn Mr. Nguyen Thai Son	10/10	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Hòa Mr. Nguyen Van Hoa	10/10	100%	
4	Ông Nguyễn Văn Bánh Mr. Nguyen Van Banh	10/10	100%	
5	Ông Tô Hoài Long Mr. To Hoai Long	5/10	50%	Bổ nhiệm từ ngày 23/4/2026 Appointed effective from 23/4/2026
6	Ông Trần Văn An Mr. Tran Van An	5/10	50%	Miễn nhiệm từ ngày 23/4/2026 Dismissed effective from 23/4/2026

1. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc/ Supervisory activities of the BOD over the Board of Management:

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, Hội đồng Quản trị (HĐQT) tiếp tục thực hiện vai trò giám sát thường xuyên và xuyên suốt đối với hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị và vận hành doanh nghiệp đều tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và mục tiêu chiến lược đã được thông qua.

In the first 6 months of 2026, the Board of Directors (BOD) continued to perform its role of regular and consistent supervision over the operations of the Board of Management to ensure that all governance and business operations comply with legal regulations, the Company's Charter, and the approved strategic objectives.

- HĐQT tổ chức các phiên họp định kỳ, đồng thời theo dõi, rà soát các nội dung điều hành trọng yếu thông qua báo cáo chuyên đề, báo cáo định kỳ. Các nghị quyết, quyết định, kết luận của HĐQT được chuyển tải đầy đủ đến Ban Tổng Giám đốc, đồng thời thiết lập cơ chế giám sát tiến độ triển khai nhằm đảm bảo tính tuân thủ và hiệu quả thực thi. Các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện đều được Ban điều hành phản hồi kịp thời, đồng thời báo cáo khó khăn và đề xuất giải pháp để HĐQT xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

The BOD organized periodic meetings while monitoring and reviewing key operational contents through thematic and periodic reports. Resolutions, decisions, and conclusions of the BOD are fully communicated to the Board of Management, and a mechanism for monitoring implementation progress is established to ensure compliance and execution efficiency. Any issues arising during the implementation process are promptly addressed by the Board of Management, which reports difficulties and proposes solutions for the BOD to review and handle according to its authority.

- HĐQT cũng đặc biệt quan tâm đến quá trình triển khai các giải pháp nâng cao năng lực tài chính – một trong những nhiệm vụ trọng điểm năm 2026 nhằm tăng cường năng lực cân đối dòng tiền, quản trị rủi ro tốt hơn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và năng lực cạnh tranh cho công ty. Các phương án liên quan đến quản lý danh mục tài sản, kiểm soát công nợ, tối ưu chi phí vận hành... đều được HĐQT xem xét thận trọng và giao Ban điều hành tổ chức thực hiện theo lộ trình cụ thể.

The BOD also pays special attention to the implementation of solutions to improve financial capacity – one

of the key tasks for 2026 to strengthen cash flow balancing capacity, improve risk management, and enhance capital usage efficiency and the company's competitiveness. Plans related to asset portfolio management, debt control, and operating cost optimization are all carefully reviewed by the BOD and assigned to the Board of Management for implementation according to a specific roadmap.

- Song song đó, HĐQT cũng theo dõi sát sao tiến độ triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2026. Việc thực hiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, dòng tiền và các nhiệm vụ chiến lược được tổng hợp, phân tích và đánh giá định kỳ. Trong các cuộc họp, HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp báo cáo cập nhật, nêu rõ kết quả đạt được, so sánh với kế hoạch (và lý giải chênh lệch nếu có), đồng thời đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp.

In parallel, the BOD also closely monitors the progress of the 2026 business plan. The implementation of revenue, profit, cash flow targets, and strategic tasks is aggregated, analyzed, and evaluated periodically. In meetings, the BOD requires the Board of Management to provide updated reports, clearly stating achieved results, comparing them with the plan (and explaining any discrepancies), and proposing appropriate adjustment solutions.

- Tổng thể, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã thể hiện sự chủ động, nghiêm túc và linh hoạt trong tổ chức triển khai các chỉ đạo, góp phần duy trì sự ổn định và phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh thị trường năm 2026 còn nhiều yếu tố biến động và áp lực cạnh tranh gia tăng.

Overall, the BOD assesses that the Board of Management has demonstrated proactivity, seriousness, and flexibility in organizing the implementation of directives, contributing to maintaining stability and sustainable development in business operations, especially in the context of the 2026 market, which still has many volatile factors and increasing competitive pressure.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/ Activities of sub-committees under the Board of Directors (if any): Không có/ None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Report for 6 months of 2026)

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
1	01/2026/NQ-HĐQT	27/02/2026	Thông báo ngày đăng ký cuối cùng tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 <i>Notification of the record date for organizing the Annual General Meeting of Shareholders for the fiscal year 2025</i>	100%
2	02/2026/NQ-HĐQT	11/03/2026	Phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên có liên quan <i>Approving the policy for signing contracts and transactions with related parties</i>	100%
3	03/2026/NQ-HĐQT	02/04/2026	Thông qua nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 <i>Approving the content and documents for the Annual General Meeting of Shareholders for the 2025 fiscal year</i>	100%

Stt No.	Số Nghị quyết Resolution No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
4	04/2026/NQ-HĐQT	03/04/2026	Nhận được đơn từ nhiệm của Thành viên HĐQT <i>Receipt of resignation letter from a BOD member</i>	100%
5	05/2026/NQ-HĐQT	13/04/2026	Thông qua tiếp nhận danh sách ứng cử viên tham gia vào HĐQT và cập nhật tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2025 <i>Approval of the list of candidates for the BOD and update of documents for the Annual General Meeting of Shareholders for the 2025 fiscal year</i>	100%
6	06/2026/NQ-HĐQT	23/04/2026	Thông qua cơ cấu Thành viên HĐQT <i>Approval of the structure of BOD members</i>	100%
7	07/2026/NQ-HĐQT	07/05/2026	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty <i>Dismissal of Deputy General Director of the Company</i>	100%
8	08/2026/NQ-HĐQT	22/05/2026	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để hoán đổi <i>Implementation of the share issuance plan for share swap</i>	100%
9	09/2026/NQ-HĐQT	22/05/2026	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi <i>Approval of the registration dossier for share issuance for share swap</i>	100%
10	10/2026/NQ-HĐQT	27/05/2026	Bổ nhiệm Giám đốc Khối Tài chính Công ty <i>Appointment of the Company's Chief Financial Officer</i>	100%

III. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ Audit Committee (Report for the 6 months of 2026):

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán (UBKT)/ Information regarding members of the Audit Committee (AC):

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Member of the Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Date of becoming/ceasing to be Audit Committee membership</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualifications</i>
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán <i>Chairman of the Audit Committee</i>	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025 <i>Appointed from 24/04/2025</i>	Luật sư <i>Lawyer</i>
2	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	Thành viên Ủy ban kiểm toán <i>Member of the Audit Committee</i>	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2025 <i>Appointed from 24/04/2025</i>	Kỹ sư Xây dựng - Quản lý dự án <i>Construction Engineer - Project Management</i>

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán

Meetings of the Audit Committee

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban kiểm toán thực hiện 02 cuộc họp. Chi tiết như sau:

In the first 6 months of 2026, the Audit Committee held 02 meetings. Details are as follows:

Stt No.	Thành viên <i>Member</i> Ủy ban Kiểm toán <i>Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Meeting Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting Rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reason for Non- Attendance</i>
<u>Cuộc họp ngày 20/03/2026, Biên bản họp số 01/2026/BBH-UBKT</u> <i>Meeting dated March 20, 2026, Minutes No. 01/2026/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	01	1/1	100%	
<u>Cuộc họp ngày 26/06/2026, Biên bản họp số 02/2026/BBH-UBKT</u> <i>Meeting dated June 26, 2026, Minutes No. 02/2026/BBH-UBKT</i>					
1	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>	01	1/1	100%	
2	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>	01	1/1	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông/ Oversight activities of the Audit Committee regarding the Board of Directors, the Board of Management, and shareholders:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Ủy ban Kiểm toán (UBKT) đã thực hiện chức năng giám sát theo đúng thẩm quyền và trách nhiệm được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động UBKT, cụ thể như sau:

In the first 6 months of 2026, the Audit Committee (AC) performed its oversight function strictly according

to the authority and responsibilities stipulated in the Enterprise Law, the Company's Charter, and the AC Operating Regulations, specifically as follows:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) hoạt động theo Điều lệ, quy chế và quy định nội bộ của Công ty; thực hiện chức năng quản trị thông qua việc ban hành các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc (TGD) tổ chức triển khai thực hiện.
- *The Board of Directors (BOD) operates in accordance with the Company's Charter, regulations, and internal rules; it performs governance functions through the issuance of resolutions, decisions, and directives to the General Director (GD) for implementation.*
- Trong kỳ, HĐQT tuân thủ Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT; việc điều hành được thực hiện theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; Chủ tịch HĐQT thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và trực tiếp chỉ đạo, giám sát các nội dung thuộc phạm vi được phân công.
- *During the period, the BOD complied with the Internal Regulations on Corporate Governance and the Regulations on Organization and Operation of the BOD; operations were conducted according to the principle of collective leadership and individual responsibility; the Chairman of the BOD assigned tasks to each BOD member and directly directed and supervised matters within their assigned scope.*
- Qua giám sát, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các thành viên HĐQT được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và có đủ thời gian nghiên cứu, thảo luận trước khi xem xét ra quyết định.
- *Through supervision, the BOD has fully performed its functions, duties, and powers in accordance with the Company's Charter and current legal regulations. BOD members are provided with full, timely, and accurate information and have sufficient time to study and discuss before making decisions.*
- Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT; đối với các nội dung họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, các thành viên đã nghiên cứu, thảo luận kỹ các vấn đề thuộc phạm vi được phân công trước khi thực hiện biểu quyết. Các Nghị quyết, Quyết định được ban hành trên cơ sở có sự đồng thuận nhất trí cao và được Công ty tổ chức triển khai thực hiện.
- *BOD members fully participate in BOD meetings; regarding meeting contents or written comments, members have thoroughly studied and discussed issues within their assigned scope before voting. Resolutions and Decisions are issued based on high consensus and are organized for implementation by the Company.*
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp quy định của pháp luật cũng như các quy định nội bộ của Công ty.
- *Resolutions and Decisions of the BOD are issued following the correct procedures, authority, and in compliance with the law as well as the Company's internal regulations.*
- Các thành viên HĐQT đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty và Cổ đông.
- *BOD members meet the requirements for professional capacity and perform their duties based on ensuring the interests of the Company and Shareholders.*
- Ban TGD điều hành hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty. Các Quyết định của Ban TGD được ban hành đúng thẩm quyền và kịp thời.
- *The Board of Management managed operations strictly according to its functions and duties, in compliance with the Enterprise Law and the Company's Organizational and Operational Regulations. The Decisions of the Board of Management were issued within the proper authority and in a timely manner.*
- Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được Ban TGD tổ chức triển khai thực hiện theo đúng nội dung chỉ đạo và yêu cầu của HĐQT.
- *Resolutions and Decisions of the BOD are organized for implementation by the Board of Management in accordance with the directives and requirements of the BOD.*
- Tổng Giám đốc thực hiện phân công, phân nhiệm cụ thể đối với từng thành viên Ban TGD, làm cơ sở cho

việc tổ chức điều hành và thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- *The General Director assigns specific tasks and responsibilities to each member of the Board of Management, serving as the basis for organizing operations and performing assigned functions and duties.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/ *The coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

- Sự phối hợp giữa UBKT, HĐQT và Ban TGDĐ được thực hiện thường xuyên, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.
- *Coordination between the AC, BOD, and Board of Management is carried out regularly, ensuring compliance with legal regulations and the Company's internal regulations.*
- HĐQT và Ban TGDĐ tạo điều kiện thuận lợi để UBKT thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ; đồng thời cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin và tài liệu liên quan phục vụ công tác giám sát, kiểm tra.
- *The BOD and Board of Management create favorable conditions for the AC to fully perform its functions and duties; at the same time, they provide full and timely information and documents related to supervision and inspection work.*
- UBKT đã tham dự tất cả các cuộc họp giao ban, họp bất thường của HĐQT và một số cuộc họp của Ban TGDĐ, thực hiện xem xét, đóng góp ý kiến đối với các chủ trương, quyết định thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo việc ban hành phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích của Công ty. Đồng thời, UBKT được tiếp cận hầu hết các văn bản chỉ đạo, điều hành của HĐQT và Ban TGDĐ, thực hiện phản hồi, trao đổi ý kiến nhằm góp phần đảm bảo hoạt động điều hành phù hợp với định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ.
- *The AC has attended all regular and extraordinary meetings of the BOD and several meetings of the Board of Management, reviewing and contributing opinions on policies and decisions within its authority to ensure that issuance is in accordance with legal regulations and ensures the interests of the Company. At the same time, the AC has access to most of the directive and executive documents of the BOD and Board of Management, providing feedback and exchanging opinions to contribute to ensuring that executive activities are in line with the orientation of the GMS Resolution.*
- UBKT thực hiện báo cáo và thông tin kịp thời cho HĐQT, Ban TGDĐ về kết quả các cuộc kiểm toán; đồng thời kiến nghị các nội dung cần chấn chỉnh, cải tiến để HĐQT và Ban TGDĐ xem xét, chỉ đạo triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và tăng cường tuân thủ các quy định đã ban hành.
- *The AC reports and informs the BOD and Board of Management in a timely manner about the results of audits; at the same time, it recommends areas needing correction and improvement for the BOD and Board of Management to consider and direct implementation, contributing to improving management efficiency and strengthening compliance with issued regulations.*

5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/ *Other activities of the Audit Committee (if any):*

- Đánh giá mức độ hiệu quả của hệ thống Kiểm soát nội bộ thông qua 05 thành phần:
- *Assessment of the effectiveness of the Internal Control system through 05 components:*
 - (i) Môi trường kiểm soát;
(i) Control environment;
 - (ii) Quy trình đánh giá rủi ro;
(ii) Risk assessment process;
 - (iii) Hoạt động kiểm soát;
(iii) Control activities;
 - (iv) Hệ thống thông tin và truyền thông;
(iv) Information and Communication system;
 - (v) Hoạt động giám sát;
(v) Monitoring activities;
- Đồng thời, đánh giá tính liên kết giữa các thành phần, trên cơ sở kết quả đánh giá, tham mưu, tư vấn cho

HDQT và Ban TGD trong việc ngăn ngừa, giảm thiểu sai phạm và dự báo, ứng phó với các rủi ro có thể đo lường trong các hoạt động của Công ty theo quy định tại Quy chế hoạt động của UBKT.

- *At the same time, it evaluates the interaction among the components, and based on assessment results, advises and consults the BOD and the Board of Management in preventing and minimizing violations, as well as forecasting and responding to measurable risks in the Company's activities in accordance with the AC's Operating Regulations.*
- Giám sát kế hoạch và kết quả hoạt động của kiểm toán nội bộ.
Monitoring the plan and performance results of internal audit.

IV. Ban điều hành/ Board of Management:

Stt No.	Thành viên Ban điều hành <i>Members of the Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualification</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of appointment/dismissal</i>
1	Ông Võ Thanh Lâm <i>Mr. Vo Thanh Lam</i>	16/01/1981	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc ngày 23/10/2024 <i>Reappointed as General Director on 23/10/2024</i>
2	Bà Đinh Thị Ngọc Trang <i>Ms. Dinh Thi Ngoc Trang</i>	01/05/1985	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh <i>Master of Business Administration</i>	Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 05/03/2024 <i>Appointed as Deputy General Director on 05/03/2024</i>
3	Bà Nguyễn Thị Nghi <i>Ms. Nguyen Thi Nghi</i>	21/11/1982	Cử nhân Đại học Luật TP HCM <i>Bachelor of Laws, Ho Chi Minh City University of Law</i>	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc ngày 07/05/2026 <i>Dismissed as Deputy General Director on 07/05/2026</i>

V. Kế toán trưởng

V. Chief Accountant

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification expertise</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment / dismissal</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng <i>Mr. Nguyen Viet Hung</i>	12/04/1991	Cử nhân Đại học Kinh tế - Luật <i>Bachelor of Economics - Law</i>	Tái bổ nhiệm ngày 01/10/2024 <i>Reappointed on 01/10/2024</i>

VI. Đào tạo về quản trị công ty/ Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Corporate governance training courses attended by BOD members, the Chief Executive Officer (CEO), other management personnel, and the Company Secretary, in accordance with corporate governance regulations:

- Ban lãnh đạo của Công ty đã tham gia Chương trình đào tạo “Quản trị Công ty” do phòng Quản trị Nguồn nhân lực TTCI phối kết hợp cùng Viện nghiên cứu và Đào tạo Quốc tế TTC (*Viện IRT – Thành viên Tập đoàn TTC*) và Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (*Thành viên Đại học Kinh tế TP. HCM*) tổ chức ngày 10/01/2026 và 17/01/2026.

The Company's leadership participated in the “Corporate Governance” Training Program organized jointly by the TTCI Human Resource Management Department, the TTC International Research and Training Institute (IRT Institute – a member of TTC Group), and the Human Resources and Business Development Institute (a member of UEH) on January 10, 2026, and January 17, 2026.

- Kế hoạch trong 6 tháng cuối năm 2026, Nhân sự của Công ty sẽ tham gia các Chương trình đào tạo chuyên sâu về Quản trị công ty do Viện Thành viên Hội Đồng Quản Trị Việt Nam (*VIOD*) tổ chức.

Plan for the last 6 months of 2026 is for the Company's personnel to participate in specialized Corporate Governance Training Programs organized by the Vietnam Institute of Directors (VIOD).

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/ *The list of affiliated persons of the public company and transactions of affiliated persons of the Company*

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company*

Phụ lục I đính kèm/ Appendix I attached.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Phụ lục II đính kèm/ Appendix II attached.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power. Không có/ None*

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/ *Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo). *Không có*

4.1. Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting). None

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành. *Không có*

4.2. Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO). None

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác. *Không có*

4.3. Other transactions of the Company (if any) that may bring material or non-material benefits to members of the BOD, members of the Board of Supervisors, the Director (General Director) and other managers. None

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng năm 2026)/ *Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Report for the 6 months of 2026)*

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/ *The list of internal persons and their affiliated persons (Phụ lục III đính kèm/ Appendix III attached)*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Không có/ None

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/ Other significant issues: Không có/ None

Nơi nhận/ Recipients:

- ...;
- Lưu: BP.IR, P.HCQT...
- Archived: IR Department, Administration and Management Department, ...

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signed, full name and sealed)



NGUYỄN THÀNH CHUÔNG

NGUYEN THANH CHUONG

(Attached to the Report on Corporate Governance for the first 6 months of 2026, No. 132/2026/CV-TTCLAND, dated 27/07/2026)

[illegible]

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No.*/	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Minh Thắng <i>Nguyen Minh Thang</i>										Younger sibling
1.12	Ngô Văn Minh <i>Ngo Van Minh</i>										Bố vợ <i>Father-in-law</i>
1.13	Phạm Văn Thuộc Anh <i>Pham Van Thuoc Anh</i>										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
1.14	Nguyễn Văn Hùng										Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
1.15	Dương Thị Thu										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
1.16	Trương Thị Út										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
1.17	Hoàng Thị Thùy Dương <i>Hoang Thi Thuy Duong</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
1.18	Lê Thị Bích Huyền										Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.19	Công ty CP KCN Thành Thành Công Thành Công <i>Industrial Park Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (TV HĐQT của tổ chức) <i>Affiliated organization (Member of the Board of Directors of the organization)</i>
1.20	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Đặng Huỳnh Industrial Park Exploitation and Management Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representative of the organization)</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.21	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thái Tôn Construction , Trading, and Import- Export Joint Stock Company</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representati ve of the organization)</i>
1.22	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tín Nghĩa – Á Châu Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
2	Ông Nguyễn Văn Hòa <i>Mr. Nguyen Van Hoa</i>		Thành viên HDQT độc lập, Chủ tịch UBKT <i>Independent members of the Board of Directors, Chairman of the Audit</i>					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed on 24/04/2025</i>			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			Committee								
2.1	CTCP Thương Mại Thành Công Thành Công Trading Joint Stock Company										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
2.2	Đào Thị Thu Thuyền <i>Dao Thi Thu Thuyen</i>										Vợ <i>Wife</i>
2.3	Nguyễn Đào Khánh Như <i>Nguyen Dao Khanh Nhu</i>										Con gái <i>Daughter</i>
2.4	Nguyễn Thanh Bình <i>Nguyen Thanh Binh</i>										Con trai <i>Son</i>
2.5	Nguyễn Văn Nhân <i>Nguyen Van</i>										Bố đẻ <i>Biological Father</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Nhan										
2.6	Lê Thị Hường <i>Le Thi Huong</i>										Mẹ đẻ <i>Biological Mother</i>
2.7	Nguyễn Văn Hiệp <i>Nguyen Van Hiep</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
2.8	Nguyễn Thị Lợi <i>Nguyen Thi Loi</i>										Em dâu <i>Younger sister-in-law</i>
2.9	Nguyễn Thị Hải <i>Nguyen Thi Hai</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
2.10	Nguyễn Trọng Tinh <i>Nguyen Trong Tinh</i>										Em rể <i>Younger brother-in- law</i>
2.11	Nguyễn Thị Hưng <i>Nguyen Thi Hung</i>										Em gái <i>Younger sister</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
2.12	Mai Văn Sơn <i>Mai Van Son</i>										Em rể <i>Younger brother-in- law</i>
2.13	Đào Kim Trương <i>Dao Kim Truong</i>										Bố vợ <i>Father-in- law</i>
2.14	Nguyễn Thị Hồng <i>Nguyen Thi Hong</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>
3	Ông Nguyễn Văn Bảnh <i>Mr. Nguyen Van Banh</i>		Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên UBKT <i>Non-executive Board of Directors' members Member of the Audit Committee</i>					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed on 24/04/2025</i>			
3.1	CTCP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dang Huynh Industrial Park Exploitation and Management JSC										
3.2	CTCP Đầu tư BĐS Long An <i>Long An Real Estate Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
3.3	CTCP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Supporting Industry JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
3.4	Lê Thị Bạch Mai <i>Le Thi Bach Mai</i>										Vợ <i>Wife</i>
3.5	Nguyễn Trúc Mai <i>Nguyen Truc Mai</i>										Con gái <i>Daughter</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3.6	Nguyễn An Khang <i>Nguyen An Khang</i>										Con rể <i>Son-in-law</i>
3.7	Nguyễn Thị Sang <i>Nguyen Thi Sang</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
3.8	Nguyễn Văn Ca <i>Nguyen Van Ca</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
3.9	Nguyễn Thị Anh <i>Nguyen Thi Anh</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
3.10	Nguyễn Văn Hoàng <i>Nguyen Van Hoang</i>										Em trai <i>Younger brother</i>
3.11	Nguyễn Thị Hồng Vân <i>Nguyen Thi Hong Van</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
4	Ông Nguyễn Thái Sơn <i>Mr. Nguyen</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of</i>					Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 <i>Appointed</i>			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4.5	Nguyễn Thị Minh Phuong <i>Nguyen Thi Minh Phuong</i>										Chị <i>Older sister</i>
4.6	Nguyễn Việt Hà <i>Nguyen Viet Ha</i>										Em <i>Younger sibling</i>
4.7	Phan Văn Diệp <i>Phan Van Diep</i>										Anh rể <i>Brother-in- law</i>
4.8	Phạm Ngọc Hải <i>Pham Ngoc Hai</i>										Anh rể <i>Brother-in- law</i>
4.9	Hồ Văn An <i>Ho Van An</i>										Anh rể <i>Brother-in- law</i>
4.10	Nguyễn Thị Thanh Mai <i>Nguyen Thi Thanh Mai</i>										Chị <i>Older sister</i>
4.11	Lê Hà Long <i>Le Ha Long</i>										Anh rể <i>Elder Brother-in-</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
											law
4.12	Lê Tấn Thi <i>Le Tan Thi</i>										Anh vợ <i>Brother-in- law</i>
4.13	Lê Thị Thuý Phượng <i>Le Thi Thuy Phuong</i>										Chị vợ <i>Sister-in-law</i>
4.14	Nguyễn Thái Nghĩa <i>Nguyen Thai Nghia</i>										Chồng chị vợ <i>Husband of Sister-in-law</i>
4.15	Lê Thị Mỹ Phước <i>Le Thi My Phuoc</i>										Em vợ <i>Younger Sister-in-law</i>
4.16	Lê Thị Thúy Hiền <i>Le Thi Thuy Hien</i>										Em vợ <i>Sister-in-law</i>
5	Ông Tô Hoài Long <i>Mr. To Hoai Long</i>		Thành viên HĐQT <i>Board of Directors' members</i>					Bổ nhiệm ngày 23/04/2026 <i>Appointed on 23/04/2026</i>			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5.1	Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công Thanh Thanh Cong Tourism Joint Stock Company							Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 28/4/2026 Appointed on 28/04/2026			Tổ chức có liên quan Affiliated organization
5.2	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tây Ninh Tay Ninh Construction Consulting and Investment JSC										Tổ chức có liên quan Affiliated organization
5.3	Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Hồng Đức Hong Duc Production – Trading JSC										Tổ chức có liên quan Affiliated organization

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5.9	Tô Vĩnh Tín <i>To Vinh Tin</i>										Con <i>Child</i>
5.10	Tô Hoài Đức <i>To Hoai Duc</i>										Anh <i>Older brother</i>
5.11	Lê Thị Ngọc Lan <i>Le Thi Ngoc Lan</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
5.12	Cam Chánh Hưng <i>Cam Chanh Hung</i>										Bố vợ <i>Father-in- law</i>
5.13	Bạch Nữ <i>Bach Nu</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>
6	Ông Trần Văn An <i>Mr. Tran Van An</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>						Miễn nhiệm ngày 23/04/2026 <i>Dismissed on 23/04/2026</i>		

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.1	CTCP Đầu tư Xây dựng Đảo dừa Phú Quốc <i>Phu Quoc Coconut Island Construction Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
6.2	CTCP D- Read <i>D-Read JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
6.3	Trần Thị Hòa <i>Tran Thi Hoa</i>										Mẹ ruột <i>Biological mother</i>
6.4	Trần Văn Niên <i>Tran Van Nien</i>										Bố ruột <i>Biological father</i>
6.5	Trần Văn Tân <i>Tran Van Tan</i>										Anh ruột <i>Biological brother</i>
6.6	Đặng Thị Phương										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Dang Thi Phuong										
6.7	Nguyễn Thị Phuong Thảo <i>Nguyen Thi Phuong Thao</i>										Vợ <i>Wife</i>
6.8	Trần Đăng Khoa <i>Tran Dang Khoa</i>										Con <i>Child</i>
6.9	Trần Đăng Huy <i>Tran Dang Huy</i>										Con <i>Child</i>
6.10	Nguyễn Văn Vui <i>Nguyen Van Vui</i>										Bố vợ <i>Father-in- law</i>
6.11	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>
7	Ông Võ Thanh Lâm <i>Mr. Vo Thanh Lam</i>		Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật.					Bổ nhiệm ngày 23/10/2024 <i>Appointed</i>			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
			<i>General Director. Legal Representative</i>					<i>on 23/10/2024</i>			
7.1	Nguyễn Thị Hoàng Ngâu <i>Nguyen Thi Hoang Ngau</i>										Vợ <i>Wife</i>
7.2	Võ Văn Long <i>Vo Van Long</i>										Cha <i>Father</i>
7.3	Nguyễn Thị Liên <i>Nguyen Thi Lien</i>										Mẹ <i>Mother</i>
7.4	Võ Thị Thùy Linh <i>Vo Thi Thuy Linh</i>										Chị <i>Older sister</i>
7.5	Võ Thị Khánh Ly <i>Vo Thi Khanh Ly</i>										Em <i>Younger sibling</i>
7.6	Võ Thị Bạch Yến <i>Vo Thi Bach Yen</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7.7	Huỳnh Quốc Hưng <i>Huynh Quoc Hung</i>										Anh rể <i>Brother-in-law</i>
7.8	Nguyễn Mạnh Tiến <i>Nguyen Manh Tien</i>										Em rể <i>Brother-in-law</i>
7.9	Võ Thanh Đan <i>Vo Thanh Dan</i>										Con <i>Child</i>
7.10	Võ Hoàng Đan <i>Vo Hoang Dan</i>										Con <i>Child</i>
7.11	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tin Nghia – A Chau Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.12	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Suong										
8.5	Nguyễn Thị Hậu <i>Nguyen Thi Hau</i>										Mẹ chồng <i>Mother-in- law</i>
8.6	Đinh Thanh Tâm <i>Dinh Thanh Tam</i>										Em <i>Younger sibling</i>
8.7	Đinh Thị Kim Loan <i>Dinh Thi Kim Loan</i>										Em <i>Younger sibling</i>
8.8	Đinh Thị Ngọc Hoa <i>Dinh Thi Ngoc Hoa</i>										Chị <i>Elder sister</i>
8.9	Nguyễn Thị Ngọc Bích <i>Nguyen Thi Ngoc Bich</i>										Chị chồng <i>Elder Sister- in-law</i>
8.10	Nguyễn Thị Ngọc Nhung <i>Nguyen Thi Ngoc Nhung</i>										Chị chồng <i>Elder Sister- in-law</i>
8.11	Nguyễn Hoàng Minh										Em chồng <i>Brother-in-</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Nguyen Hoang Minh										law
8.12	Nguyễn Hoàng Yến Nguyen Hoang Yen										Em chồng Brother-in- law
8.13	Nguyễn Thanh Thùy Nguyen Thanh Thuy										Em chồng Younger sibling-in- law
8.14	Công ty CP KCN Thành Thành Công Thanh Thanh Cong Industrial Zone JSC										Tổ chức có liên quan Affiliated organization
8.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management										Tổ chức có liên quan Affiliated organization

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	JSC										
8.16	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.17	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction Trading and Import- Export JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.18	Công ty CP Năng lượng sạch Ninh Thuận <i>Ninh Thuan Clean Energy JSC</i>										Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) <i>Affiliated organization (Legal Representati</i>

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Phung Van Thuan										Brother-in- law
9.13	Nguyễn Văn Tinh <i>Nguyen Van Tinh</i>										Anh ruột <i>Older brother</i>
9.14	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
9.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management JSC</i>										Tổ chức có liên quan (Phó Giám đốc kinh doanh của tổ chức) <i>Affiliated organization (Deputy Sales Director of the organization)</i>
9.16	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh</i>										Tổ chức có liên quan (Giám Đốc Khối KD

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thanh Cong Industrial Zone JSC										Kho Vận của tổ chức) <i>Affiliated organization (Director of Logistics Business Division of the organization)</i>
9.17	CTCP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction Trading and Import- Export JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.18	CTCP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Auxiliary Industry JSC</i>										Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
10	Ông Trần Minh		Giám đốc Khối Tài					Bổ nhiệm ngày			

[illegible]

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10.5	Trần Minh Quân <i>Tran Minh Quan</i>										Con <i>Child</i>
10.6	Trần Minh Khôi <i>Tran Minh Khoi</i>										Con <i>Child</i>
10.7	Trần Thị Kiều Phương <i>Tran Thi Kieu Phuong</i>										Em gái <i>Younger sister</i>
10.8	Nguyễn Thanh Hương <i>Nguyen Thanh Huong</i>										Bố vợ <i>Father-in- law</i>
10.9	Nguyễn Thị Thanh Lê <i>Nguyen Thi Thanh Le</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>
11	Ông Nguyễn Việt Hùng <i>Mr. Nguyen Viet Hung</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>					Bổ nhiệm ngày 01/10/2024 <i>Appointed on</i>			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
								01/10/2024			
11.1	Nguyễn Thành Lâm <i>Nguyen Thanh Lam</i>										Cha <i>Father</i>
11.2	Nguyễn Thị Thanh <i>Nguyen Thi Thanh</i>										Mẹ <i>Mother</i>
11.3	Nguyễn Thành Lâm <i>Nguyen Thanh Lam</i>										Cha vợ <i>Father-in- law</i>
11.4	Nguyễn Thị Kim Toàn <i>Nguyen Thi Kim Toan</i>										Mẹ vợ <i>Mother-in- law</i>
11.5	Nguyễn Kim Thanh Thư <i>Nguyen Kim Thanh Thu</i>										Vợ <i>Wife</i>
11.6	Nguyễn Bảo Quân <i>Nguyen Bao Quan</i>										Con <i>Child</i>
12	Bà Trần		Người phụ					Bổ nhiệm			

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thị Thanh Hiên <i>Ms. Tran Thi Thanh Hien</i>		trách quản trị công ty, Thư ký công ty <i>Person in charge of corporate governance, Company Secretary</i>					ngày 06/06/2025 <i>Appointed on 06/06/2025</i>			
12.1	Trần Văn Xứng <i>Tran Van Xung</i>										Bố đẻ (đã mất) <i>Biological father (passed away)</i>
12.2	Nguyễn Thị Cúc <i>Nguyen Thi Cuc</i>										Mẹ đẻ <i>Biological mother</i>
12.3	Cao Văn Đông <i>Cao Van Dong</i>										Bố chồng <i>Father-in- law</i>
12.4	Hà Thị Cúc <i>Ha Thi Cuc</i>										Mẹ chồng <i>Mother-in- law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.5	Cao Văn Lâm <i>Cao Van Lam</i>										Chồng <i>Husband</i>
12.6	Cao Gia Kiệt <i>Cao Gia Kiet</i>										Con đẻ <i>Biological child</i>
12.7	Trần Văn Nhật <i>Tran Van Nhat</i>										Anh ruột <i>Older brother</i>
12.8	Trần Thị Hương <i>Tran Thi Huong</i>										Chị ruột <i>Older sister</i>
12.9	Trần Đức Mạnh <i>Tran Duc Manh</i>										Anh ruột <i>Older brother</i>
12.10	Trần Viết Thọ <i>Tran Viet Tho</i>										Anh ruột <i>Older brother</i>
12.11	Trần Ngọc Thắng <i>Tran Ngoc Thang</i>										Anh ruột <i>Older brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12.12	Nguyễn Thị Hường <i>Nguyen Thi Huong</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
12.13	Bùi Đức Mạnh <i>Bui Duc Manh</i>										Anh rể <i>Brother-in- law</i>
12.14	Bùi Thị Bích Bình <i>Bui Thi Bich Binh</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
12.15	Trần Ngọc Huyền <i>Tran Ngoc Huyen</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
12.16	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>										Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
II. NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN LÀ TỔ CHỨC II. AFFILIATED PERSONS THAT ARE ORGANIZATIONS											
1	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công <i>Thanh</i>										Tổ chức sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Pla ce of issu e</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thanh Cong Investment JSC										quyết Organizatio n owning over 10% of voting rights
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn Thương Tín <i>Sai Gon Thuong Tin Real Estate Service Business One Member Limited Company</i>										Công ty con Company's subsidiaries
3	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín <i>Saigon Thuong Tin Real Estate</i>										Công ty con Company's subsidiaries

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of organization /individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (If any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (If any)	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ Address/Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reason	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ Relationship with the Company/int ernal person
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Management Services LLC										
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn East Saigon Real Estate Investment and Development JSC										Công ty con Company's subsidiaries
5	Công ty CP Thương Tín Tàu Cuốc Thuong Tin Dredging Joint Stock Company										Công ty con Company's subsidiaries
6	Công ty CP Mai Lan Mai Lan JSC										Công ty con Company's subsidiaries
7	Công ty TNHH Thương Tín								Đã hoàn tất thủ tục giải thể ngày		Công ty con Company's subsidiaries

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	– CJ Cầu Tre Thương Tín – CJ Cầu Tre Limited Liability Company								09/07/2026 Completed dissolution procedures on 09/07/2026		
8	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hùng Anh Năm <i>Hung Anh Nam Real Estate Investment and Business JSC</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
9	Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng <i>Nguyen Kim Da Nang Trading Joint Stock Company</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
10	Công ty CP Đầu tư Bất động sản TTC Land Hưng Điền <i>TTC Land Hung Dien Real Estate Investment JSC</i>										Công ty con <i>Company's subsidiaries</i>
11	Công ty CP Đầu tư Tín Nghĩa – Á Châu <i>Tin Nghia – A Chau Investment JSC</i>										Công ty liên kết <i>Affiliated company</i>
12	Công ty CP Toàn Hải Vân <i>Toan Hai Van JSC</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
13	Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Thanh <i>Thanh Thanh Cong Thanh</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thanh Cong Tourism Joint Stock Company										
14	Công ty CP Thương Mại Thành Công Thanh <i>Thanh Cong Trading Joint Stock Company</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management JSC</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
16	Công ty CP Xây dựng TM và XNK										Bên liên quan khác <i>Other</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/internal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thái Tôn <i>Thai Ton Construction Trading and Import-Export JSC</i>										<i>related party</i>
17	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
18	Công ty CP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>Supporting Industry JSC</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>
19	Công ty CP May Tiến Phát <i>May Tien Phat Joint Stock</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>

STT <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization /individual</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (If any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (If any)</i>	Số Giấy NSH*/ ID No. */	Ngày cấp <i>Date of issue</i>	Nơi cấp <i>Place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ <i>Address/Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ đối với Công ty/ người nội bộ <i>Relationship with the Company/int ernal person</i>
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	<i>Company</i>										
20	Công ty CP KCN Thành Thành Công Thanh <i>Thanh Cong Industrial Zone JSC</i>										Bên liên quan khác <i>Other related party</i>

PHỤ LỤC II: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY;
APPENDIX II: TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS;
HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS
(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng năm 2026, số 132/2026/CV-TTCLAND, ngày 27/07/2026)

(Attached to the Report on Corporate Governance for the first 6 months of 2026, No. 132/2026/CV-TTCLAND, dated 27/07/2026)

Stt No.	Tên tổ chức/ Name of organization/ cá nhân individual	Mối quan hệ liên quan với công ty Relationship with the company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address of headoffice/ Contact address	Thời điểm giao dịch với công ty Time of transaction with the company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)	Nội dung, số lượng, Content, quantity, tổng giá trị giao dịch total transaction value	Ghi chú Note
1	Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công Thanh Thanh Cong Investment JSC	Cổ đông lớn Major shareholder			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026	- Gốc đi vay: 50.000.000.000 đồng - Principal borrowed: 50,000,000,000 VND - Hoàn trả gốc đi vay: 68.930.000.000 đồng - Repayment of loan principal: 68,930,000,000 VND - Lãi đi vay: 1.558.449.317 đồng - Loan interest: 1,558,449,317 VND - Mua dịch vụ: 1.408.966.000 đồng - Purchase of services: 1,408,966,000 VND	
2	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Dịch vụ Địa ốc Sài Gòn	Công ty con Subsidiary company			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 No. 02/2026/NQ-HĐQT	- Cung cấp dịch vụ: 135.000.000 đồng - Provision of services: 135,000,000 VND	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	Thương Tín <i>Saigon Thuong Tin Real Estate Services Trading One Member LLC</i>					<i>dated 11/03/2026</i>	- Gốc cho vay: 3.426.675.000 đồng - <i>Loan principal: 3,426,675,000 VND</i> - Thu hồi gốc cho vay: 465.000.000 đồng - <i>Recovery of loan principal: 465,000,000 VND</i> - Góp vốn HTKD: 7.432.422.858 đồng - <i>Business cooperation capital contribution: 7,432,422,858 VND</i> - Lãi cho vay: 1.069.638.359 đồng - <i>Loan interest: 1,069,638,359 VND</i>	
3	Công ty TNHH Dịch vụ Quản lý Bất động sản Sài Gòn Thương Tín <i>Saigon Thuong Tin Real Estate Management Services LLC</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 1.930.777.089 đồng - <i>Provision of services: 1,930,777,089 VND</i> - Mua dịch vụ: 6.755.269.579 đồng - <i>Purchase of services: 6,755,269,579 VND</i> - Giảm thu trước dịch vụ: 19.398.268.276 đồng - <i>Reduction of pre-collected service revenue: 19,398,268,276 VND</i>	
4	Công ty CP Đầu tư Phát triển Bất động sản Đông Sài Gòn	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT</i>	- Cung cấp dịch vụ: 289.626.459 đồng - <i>Provision of services: 289,626,459 VND</i>	

Stt No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>East Saigon Real Estate Investment and Development JSC</i>					<i>dated 11/03/2026</i>	- Chuyển nhượng cổ phần: 48.841.380.000 đồng - <i>Transfer of shares: 48,841,380,000 VND</i> - Nhận chuyển nhượng cổ phần: 38.850.300.000 đồng - <i>Receipt of share transfer: 38,850,300,000 VND</i>	
5	Công ty CP Thương Tín Tàu Cuốc <i>Thuong Tin Dredging Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 875.877.852 đồng - <i>Provision of services: 875,877,852 VND</i> - Mua dịch vụ: 2.537.481.276 đồng - <i>Purchase of services: 2,537,481,276 VND</i> - Gốc cho vay: 37.145.000.000 đồng - <i>Loan principal: 37,145,000,000 VND</i> - Thu hồi gốc cho vay: 9.521.000.000 đồng - <i>Recovery of loan principal: 9,521,000,000 VND</i> - Lãi cho vay: 745.136.165 đồng - <i>Loan interest: 745,136,165 VND</i> - Gốc đi vay: 10.000.000.000 đồng - <i>Principal borrowed: 10,000,000,000</i>	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							VND - Hoàn trả gốc đi vay: 10.000.000.000 đồng - Repayment of loan principal: 10,000,000,000 VND - Lãi đi vay: 20.136.986 đồng - Loan interest: 20,136,986 VND	
6	Công ty CP Mai Lan <i>Mai Lan JSC</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 54.000.000 đồng - Provision of services: 54,000,000 VND - Mua dịch vụ: 119.322.156 đồng - Purchase of services: 119,322,156 VND - Lãi đi vay: 25.974.739 đồng - Loan interest: 25,974,739 VND	
7	Công ty CP Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Hùng Anh Năm <i>Hung Anh Nam Real Estate Investment and Business JSC</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 72.000.000 đồng - Provision of services: 72,000,000 VND	
8	Công ty CP Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng <i>Nguyen Kim Da Nang</i>	Công ty con <i>Subsidiary company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 6.478.453.920 đồng - Provision of services: 6,478,453,920 VND	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
	<i>Trading Joint Stock Company</i>							
9	Công ty CP Toàn Hải Vân <i>Toan Hai Van JSC</i>	Bên liên quan khác <i>Other related party</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Góp vốn HTKD: 156.718.550.000 đồng - <i>Business cooperation capital contribution: 156,718,550,000 VND</i> - Lãi trái phiếu tính vào góp vốn HTKD: 49.490.958.911 đồng - <i>Bond interest included in business cooperation capital contribution: 49,490,958,911 VND</i> - Chi phí sử dụng vốn: 31.727.009.202 đồng - <i>Cost of capital: 31,727,009,202 VND</i> - Trả hàng hóa: 156.997.983.056 đồng - <i>Return of goods: 156,997,983,056 VND</i>	
10	Công ty CP Khu Công nghiệp Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Zone JSC</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company under the same key management</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Gốc đi vay: 60.000.000.000 đồng - <i>Principal borrowed: 60,000,000,000 VND</i> - Lãi đi vay: 137.068.493 đồng - <i>Loan interest: 137,068,493 VND</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 80.000.000.000 đồng	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Repayment of loan principal: 80,000,000,000 VND - Cung cấp dịch vụ: 110.885.980.977 đồng - Provision of services: 110,885,980,977 VND - Mua dịch vụ: 1.467.635.112 đồng - Purchase of services: 1,467,635,112 VND - Thu trước: 34.499.638.914 đồng - Pre-collected revenue: 34,499,638,914 VND	
11	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management JSC</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company under the same key management</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Hoàn trả góp vốn HTKD: 13.469.340.000 đồng - Repayment of business cooperation capital contribution: 13,469,340,000 VND - Gốc đi vay: 297.440.000.000 đồng - Principal borrowed: 297,440,000,000 VND - Lãi đi vay: 1.554.104.262 đồng - Loan interest: 1,554,104,262 VND - Hoàn trả gốc đi vay: 244.307.339.000 đồng	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Repayment of loan principal: 244,307,339,000 VND	
12	Công ty CP Khai thác Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction Trading and Import- Export JSC</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company under the same key management</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated 11/03/2026</i>	- Mua dịch vụ: 8.867.005.860 đồng <i>- Purchase of services: 8,867,005,860 VND</i>	
13	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment Joint Stock Company</i>	Công ty có cùng quản lý chủ chốt <i>Company under the same key management</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated March 11, 2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 1.306.600.000 đồng <i>- Provision of services: 1,306,600,000 VND</i> - Gốc đi vay: 10.000.000.000 đồng <i>- Principal amount borrowed: VND 10,000,000,000</i> - Hoàn trả gốc đi vay: 1.120.000.000 đồng <i>- Repayment of loan principal: 1,120,000,000 VND</i> - Lãi đi vay: 444.451.507 đồng <i>- Loan interest: 444,451,507 VND</i> - Thu trước: 25.211.923.593 đồng <i>- Advance collection: 25,211,923,593</i>	

Stt No.	Tên tổ chức/ <i>Name of organization/ cá nhân individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, <i>Content, quantity, tổng giá trị giao dịch total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							VND	
14	Công ty CP Du lịch Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Tourism Joint Stock Company</i>	Bên liên quan khác <i>Other related party</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated March 11, 2026</i>	- Mua dịch vụ: 57.916.667 đồng <i>- Purchase of services: 57,916,667 VND</i>	
15	Công ty Cổ phần Đầu Tư Tín Nghĩa - Á Châu <i>Tin Nghia - A Chau Investment Joint Stock Company</i>	Công ty liên kết <i>Affiliated company</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated March 11, 2026</i>	- Chuyển nhượng cổ phần: 50.004.030.000 đồng <i>- Share transfer: 50,004,030,000 VND</i>	
16	Công ty Cổ phần May Tiên Phát <i>May Tien Phat Joint Stock Company</i>	Bên liên quan khác <i>Other related party</i>			1/1/2026 – 30/06/2026	Số 02/2026/NQ-HĐQT ngày 11/03/2026 <i>No. 02/2026/NQ-HĐQT dated March 11, 2026</i>	- Cung cấp dịch vụ: 250.886.000 đồng <i>- Provision of services: 250,886,000 VND</i> - Mua dịch vụ: 1.122.421.200 đồng <i>- Purchase of services: 1,122,421,200 VND</i> - Gốc cho vay: 8.139.750.000 đồng <i>- Loan principal: 8,139,750,000 VND</i> - Thu hồi gốc cho vay: 3.400.000.000 đồng <i>- Recovery of loan principal: 3,400,000,000 VND</i>	

Stt <i>No.</i>	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of organization/ individual</i>	Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the company</i>	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card/Passport No. *, date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address of headoffice/ Contact address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transaction with the company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HDQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Number of Resolution/ Decision of GMS/ BOD... approved (if any, specify date of issuance)</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total transaction value</i>	Ghi chú <i>Note</i>
							- Lãi cho vay: 37.749.903.858 đồng - <i>Loan interest: 37,749,903,858 VND</i>	

PHỤ LỤC III: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ CỦA CÔNG TY
APPENDIX III: LIST OF INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSONS OF THE COMPANY
(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng năm 2026, số 132/2026/CV-TTCLAND, ngày 27/07/2026)
(Attached to the Report on Corporate Governance for the first 6 months of 2026, No. 132/2026/CV-TTCLAND, dated 27/07/2026)

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
1	Ông Nguyễn Thành Chương Mr. Nguyen Thanh Chuong	-	Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/04/2024 Appointed on 23/04/2024
1.1	Lê Cẩm Hồng Le Cam Hong	-				-	-	Mẹ Mother
1.2	Ngô Thị Kim Hương Ngo Thi Kim Huong	-				-	-	Vợ Wife
1.3	Nguyễn Trúc Quỳnh Nhu Nguyen Truc Quynh Nhu	-				-	-	Con Child
1.4	Nguyễn Khánh Hà Nguyen Khanh Ha	-				-	-	Con Child
1.5	Nguyễn Thị Mỹ Trang Nguyen Thi My Trang	-				-	-	Chị Sister
1.6	Nguyễn Thị Mỹ Tiến Nguyen Thi My Tien	-				-	-	Chị Sister

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
1.7	Nguyễn Thị Mỹ Tâm <i>Nguyen Thi My Tam</i>	-				-	-	Chị Sister
1.8	Nguyễn Minh Thành <i>Nguyen Minh Thanh</i>	-				-	-	Anh Brother
1.9	Nguyễn Thành Văn <i>Nguyen Thanh Van</i>	-				-	-	Anh Brother
1.10	Nguyễn Bá Thi <i>Nguyen Ba Thi</i>	-				-	-	Em Younger sibling
1.11	Nguyễn Minh Thắng <i>Nguyen Minh Thang</i>	-				-	-	Em Younger sibling
1.12	Ngô Văn Minh <i>Ngo Van Minh</i>	-				-	-	Bố vợ Father-in-law
1.13	Phạm Văn Thuộc Anh <i>Pham Van Thuoc Anh</i>	-				-	-	Anh rể Elder Brother-in- law
1.14	Nguyễn Văn Hùng <i>Nguyen Van Hung</i>	-				-	-	Anh rể Elder Brother-in- law
1.15	Dương Thị Thu <i>Duong Thi Thu</i>	-				-	-	Chị dâu Sister-in-law
1.16	Trương Thị Út <i>Truong Thi Ut</i>	-				-	-	Em dâu Younger Sister- in-law
1.17	Hoàng Thị Thùy Dương <i>Hoang Thi Thuy Duong</i>	-				-	-	Em dâu Younger Sister- in-law
1.18	Lê Thị Bích Huyền <i>Le Thi Bich Huyen</i>	-				-	-	Chị dâu Elder Sister-in- law

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.19	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Zone JSC</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan (TV HĐQT của tổ chức) <i>Related organization (Member of the Board of Directors of the organization)</i>
1.20	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NDDPL của tổ chức) <i>Related organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.21	Công ty CP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thai Ton Construction Trading and Import-Export JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NDDPL của tổ chức) <i>Related organization (Legal Representative of the organization)</i>
1.22	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tin Nghia - A Chau Investment JSC</i>							Tổ chức có liên quan <i>Related organization</i>
2	Ông Nguyễn Văn Hòa	-	Thành viên HĐQT độc lập,			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Mr. Nguyen Van Hoa		Chủ tịch UBKT Independent Member of the Board of Directors, Chairman of the Audit Committee					Appointed on 24/04/2025
2.1	CTCP Thương Mại Thành Thành Công Thanh Thanh Cong Trading Joint Stock Company	-				-	-	Tổ chức có liên quan Related organization
2.2	Đào Thị Thu Thuyền Dao Thi Thu Thuyen	-				-	-	Vợ Wife
2.3	Nguyễn Đào Khánh Nhu Nguyen Dao Khanh Nhu	-				-	-	Con gái Daughter
2.4	Nguyễn Thanh Bình Nguyen Thanh Binh	-				-	-	Con trai Son
2.5	Nguyễn Văn Nhân Nguyen Van Nhan	-				-	-	Bố đẻ Biological father
2.6	Lê Thị Hương Le Thi Huong	-				-	-	Mẹ đẻ Biological mother
2.7	Nguyễn Văn Hiệp Nguyen Van Hiep	-				-	-	Em trai Younger brother
2.8	Nguyễn Thị Lợi Nguyen Thi Loi	-				-	-	Em dâu Sister-in-law
2.9	Nguyễn Thị Hải Nguyen Thi Hai	-				-	-	Em gái Younger sister

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
2.10	Nguyễn Trọng Tình Nguyen Trong Tinh	-				-	-	Em rể Younger Brother- in-law
2.11	Nguyễn Thị Hưng Nguyen Thi Hung	-				-	-	Em gái Younger sister
2.12	Mai Văn Sơn Mai Van Son	-				-	-	Em rể Brother-in-law
2.13	Đào Kim Trương Dao Kim Truong	-				-	-	Bố vợ Father-in-law
2.14	Nguyễn Thị Hồng Nguyen Thi Hong	-				-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
3	Ông Nguyễn Văn Bảnh Mr. Nguyen Van Banh	-	Thành viên HĐQT không điều hành, Thành viên UBKT Non-Executive Board of Directors' members Member of the Supervisory Board			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 Appointed on 24/04/2025
3.1	CTCP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Related organization

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
3.2	CTCP Đầu tư BĐS Long An Long An Real Estate Investment JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Related organization
3.3	CTCP Công nghiệp Phụ trợ S&D S&D Supporting Industry JSC							Tổ chức có liên quan Related organization
3.4	Lê Thị Bạch Mai Le Thi Bach Mai	-				-	-	Vợ Wife
3.5	Nguyễn Trúc Mai Nguyen Truc Mai	-				-	-	Con gái Daughter
3.6	Nguyễn An Khang Nguyen An Khang	-				-	-	Con rể Son-in-law
3.7	Nguyễn Thị Sang Nguyen Thi Sang	-				-	-	Em gái Younger sister
3.8	Nguyễn Văn Ca Nguyen Van Ca	-				-	-	Em trai Younger brother
3.9	Nguyễn Thị Anh Nguyen Thi Anh	-				-	-	Em gái Younger sister
3.10	Nguyễn Văn Hoàng Nguyen Van Hoang	-				-	-	Em trai Younger brother
3.11	Nguyễn Thị Hồng Vân Nguyen Thi Hong Van	-				-	-	Em gái Younger sister
4	Ông Nguyễn Thái Sơn Mr. Nguyen Thai Sơn	-	Thành viên HĐQT Board of Directors'			-	-	Bổ nhiệm ngày 24/04/2025 Appointed on 24/04/2025

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
			members					
4.1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội <i>Tan Hoi Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>	-				135.000	0,03%	Tổ chức có liên quan <i>Related organization</i>
4.2	Lê Thị Hồng Hạnh <i>Le Thi Hong Hanh</i>	-				-	-	Vợ <i>Wife</i>
4.3	Nguyễn Viết Duy <i>Nguyen Viet Duy</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
4.4	Nguyễn Thị Thu Lan <i>Nguyen Thi Thu Lan</i>	-				-	-	Chị <i>Sister</i>
4.5	Nguyễn Thị Minh Phuong <i>Nguyen Thi Minh Phuong</i>	-				-	-	Chị <i>Sister</i>
4.6	Nguyễn Việt Hà <i>Nguyen Viet Ha</i>	-				-	-	Em <i>Younger sibling</i>
4.7	Phan Văn Diệp <i>Phan Van Diep</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
4.8	Phạm Ngọc Hải <i>Pham Ngoc Hai</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>
4.9	Hồ Văn An <i>Ho Van An</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in- law</i>

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
4.10	Nguyễn Thị Thanh Mai Nguyen Thi Thanh Mai	-				-	-	Chị Elder sister
4.11	Lê Hà Long Le Ha Long	-				-	-	Anh rể Elder brother-in- law
4.12	Lê Tấn Thi Le Tan Thi	-				-	-	Anh vợ Wife's elder brother
4.13	Lê Thị Thuý Phương Le Thi Thuy Phuong	-				-	-	Chị vợ Wife's elder sister
4.14	Nguyễn Thái Nghĩa Nguyen Thai Nghia	-				-	-	Chồng chị vợ Husband of wife's elder sister
4.15	Lê Thị Mỹ Phước Le Thi My Phuoc	-				-	-	Em vợ Wife's younger sibling
4.16	Lê Thị Thuý Hiền Le Thi Thuy Hien	-				-	-	Em vợ Wife's younger sibling
5	Ông Tô Hoài Long Mr. Tô Hoài Long		Thành viên HDQT Board of Directors' members			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/04/2026 Appointed on 23/04/2026
5.1	Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công Thành Thành Công Tourism Joint Stock Company					-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.2	Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Tây Ninh <i>Tay Ninh Construction Consulting and Investment Joint Stock Company</i>					-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
5.3	Công ty Cổ phần Sản xuất – Thương mại Hồng Đức <i>Hong Duc Production – Trading Joint Stock Company</i>					-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
5.4	Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu thép Đại Tín <i>Dai Tin Steel Structure and Construction Joint Stock Company</i>					-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
5.5	Huỳnh Nhân Anh <i>Huynh Nhan Anh</i>					-	-	Mẹ ruột <i>Biological mother</i>
5.6	Tô Văn An <i>To Van An</i>					-	-	Bố ruột <i>Biological father</i>
5.7	Cam Bội Loan <i>Cam Boi Loan</i>					-	-	Vợ <i>Wife</i>
5.8	Tô Nhật Minh <i>To Nhat Minh</i>					-	-	Con <i>Child</i>

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
5.9	Tô Vĩnh Tín To Vinh Tin					-	-	Con Child
5.10	Tô Hoài Đức To Hoai Duc					-	-	Anh Brother
5.11	Lê Thị Ngọc Lan Le Thi Ngoc Lan					-	-	Chị dâu Sister-in-law
5.12	Cam Chánh Hưng Cam Chanh Hung					-	-	Bố vợ Father-in-law
5.13	Bạch Nữ Bach Nu					-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
6	Ông Trần Văn An Mr. Trần Văn An	-	Thành viên HĐQT Board of Directors' members			-	-	Miễn nhiệm ngày 23/04/2026 Dismissed on 23/04/2026
6.1	CTCP Đầu tư Xây dựng Đảo dừa Phú Quốc Phu Quoc Coconut Island Construction Investment JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
6.2	CTCP D-Read D-Read JSC	-				-	-	Tổ chức có liên quan Affiliated organization
6.3	Trần Thị Hòa Tran Thi Hoa	-				-	-	Mẹ ruột Biological mother
6.4	Trần Văn Niên Tran Van Nien	-				-	-	Bố ruột Biological father

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
6.5	Trần Văn Tân Tran Van Tan	-				-	-	Anh ruột Biological brother
6.6	Đặng Thị Phương Dang Thi Phuong	-				-	-	Chị dâu Elder sister-in- law
6.7	Nguyễn Thị Phương Thảo Nguyen Thi Phuong Thao	-				-	-	Vợ Wife
6.8	Trần Đăng Khoa Tran Dang Khoa	-				-	-	Con Child
6.9	Trần Đăng Huy Tran Dang Huy	-				-	-	Con Child
6.10	Nguyễn Văn Vui Nguyen Van Vui	-				-	-	Bố vợ Father-in-law
6.11	Nguyễn Thị Hậu Nguyen Thi Hau	-				-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
7	Ông Võ Thanh Lâm Mr. Võ Thanh Lâm	-	Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật. General Director. Legal representative.			-	-	Bổ nhiệm ngày 23/10/2024 Appointed on 23/10/2024
7.1	Nguyễn Thị Hoàng Ngâu Nguyen Thi Hoang Ngau	-				-	-	Vợ Wife
7.2	Võ Văn Long Vo Van Long	-				-	-	Cha Father

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
7.3	Nguyễn Thị Liên <i>Nguyễn Thi Lien</i>	-				-	-	Mẹ <i>Mother</i>
7.4	Võ Thị Thùy Linh <i>Vo Thi Thuy Linh</i>	-				-	-	Chị <i>Elder Sister</i>
7.5	Võ Thị Khánh Ly <i>Vo Thi Khanh Ly</i>	-				-	-	Em <i>Younger sibling</i>
7.6	Võ Thị Bạch Yến <i>Vo Thi Bach Yen</i>	-				-	-	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
7.7	Huỳnh Quốc Hưng <i>Huynh Quoc Hung</i>	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
7.8	Nguyễn Mạnh Tiến <i>Nguyễn Manh Tien</i>	-				-	-	Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
7.9	Võ Thanh Đan <i>Vo Thanh Dan</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
7.10	Võ Hoàng Đan <i>Vo Hoang Dan</i>	-				-	-	Con <i>Child</i>
7.11	CTCP Đầu tư Tín nghĩa – Á Châu <i>Tin Nghia – A Chau Investment JSC</i>	-						Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
7.12	Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim Đà Nẵng <i>Nguyen Kim Da Nang Trading Joint Stock Company</i>	-						Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8	Bà Đinh Thị Ngọc Trang	-	Phó Tổng Giám đốc			-	-	Bổ nhiệm ngày 05/03/2024

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Ms. Dinh Thi Ngoc Trang		Deputy General Director					Appointed on 05/03/2024
8.1	Nguyễn Thanh Phong Nguyen Thanh Phong	-				-	-	Chồng Husband
8.2	Nguyễn Minh Thư Nguyễn Minh Thu	-				-	-	Con Child
8.3	Nguyễn Minh Phúc Nguyễn Minh Phuc	-				-	-	Con Child
8.4	Đinh Ngọc Sương Dinh Ngoc Suong	-				-	-	Cha Father
8.5	Nguyễn Thị Hậu Nguyễn Thi Hau	-				-	-	Mẹ chồng Mother-in-law
8.6	Đinh Thanh Tâm Dinh Thanh Tam	-				-	-	Em Younger sibling
8.7	Đinh Thị Kim Loan Dinh Thi Kim Loan	-				-	-	Em Younger sibling
8.8	Đinh Thị Ngọc Hoa Dinh Thi Ngoc Hoa	-				-	-	Chị Elder sister
8.9	Nguyễn Thị Ngọc Bích Nguyen Thi Ngoc Bich	-				-	-	Chị chồng Elder sister-in- law (Husband's side)
8.10	Nguyễn Thị Ngọc Nhưng Nguyen Thi Ngoc Nhưng	-				-	-	Chị chồng Elder sister-in- law (Husband's side)

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
8.11	Nguyễn Hoàng Minh <i>Nguyen Hoang Minh</i>	-				-	-	Em chồng <i>Younger sibling-in-law (Husband's side)</i>
8.12	Nguyễn Hoàng Yến <i>Nguyen Hoang Yen</i>	-				-	-	Em chồng <i>Brother-in-law</i>
8.13	Nguyễn Thanh Thùy <i>Nguyen Thanh Thuy</i>	-				-	-	Em chồng <i>Younger sibling-in-law (Husband's side)</i>
8.14	Công ty CP KCN Thành Thành Công <i>Thanh Thanh Cong Industrial Zone Joint Stock Company</i>	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.16	Công ty CP Đầu tư hạ tầng CCN Tân Hội <i>Tân Hội Industrial Cluster Infrastructure Investment JSC</i>	-				135.000	0,03%	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
8.17	Công ty CP Xây dựng TM và XNK	-				-	-	Tổ chức có liên quan

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
	Thái Tôn Thái Tôn Construction Trading and Import- Export JSC							Affiliated organization
8.18	Công ty CP Năng lượng sạch Ninh Thuận Ninh Thuan Clean Energy Joint Stock Company	-				-	-	Tổ chức có liên quan (NĐDPL của tổ chức) Affiliated organization (Legal representative of the organization)
9	Bà Nguyễn Thị Nghị Ms. Nguyen Thi Nghị	-	Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			-	-	Miễn nhiệm ngày 07/05/2026 Dismissed on 07/05/2026
9.1	Nguyễn Văn Thơ	-				-	-	Cha Father
9.2	Lư Hữu	-				-	-	Mẹ Mother
9.3	Nguyễn Đại Quang	-				-	-	Chồng Husband
9.4	Nguyễn Ngọc Thảo My Nguyen Ngoc Thao My	-				-	-	Con Child
9.5	Nguyễn Minh Trí	-				-	-	Con Child
9.6	Đào Thị Kim Khánh	-				-	-	Mẹ chồng Mother-in-law

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
9.7	Nguyễn Thị Hạnh	-				-	-	Chị ruột <i>Older sister</i>
9.8	Trang Kiên Điền	-				-	-	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
9.9	Nguyễn Văn Hiếu	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
9.10	Đỗ Thị Thum	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
9.11	Nguyễn Thị Thảo	-				-	-	Chị ruột <i>Older sister</i>
9.12	Phùng Văn Thuận	-				-	-	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
9.13	Nguyễn Văn Tình	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
9.14	Nguyễn Thị Ngọc Linh <i>Nguyen Thi Ngoc Linh</i>	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
9.15	Công ty CP Khai thác và Quản lý KCN Đặng Huỳnh <i>Dang Huynh Industrial Zone Exploitation and Management Joint Stock Company</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan (Phó Giám đốc kinh doanh của tổ chức) <i>Affiliated organization (Deputy Sales Director of the organization)</i>
9.16	Công ty CP KCN Thành Thành Công	-				8.429.315	1,96%	Tổ chức có liên quan (Giám Đốc

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	Thanh Thanh Cong Industrial Zone JSC							Khối KD Kho Vận của tổ chức) <i>Affiliated organization (Director of Logistics Business Division of the organization)</i>
9.17	CTCP Xây dựng TM và XNK Thái Tôn <i>Thái Tôn Construction Trading and Import-Export JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
9.18	CTCP Công nghiệp Phụ trợ S&D <i>S&D Supporting Industry JSC</i>	-				-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
10	Ông Trần Minh Chánh <i>Mr. Tran Minh Chanh</i>		Giám đốc Khối Tài chính <i>Director of Finance Division</i>			-	-	Bổ nhiệm ngày 27/05/2026 <i>Appointed on 27/05/2026</i>
10.1	Công ty TNHH TMDV và Kho vận Viettel Post – TTC <i>Viettel Post – TTC Logistics and Trading Services Co., Ltd.</i>					-	-	Tổ chức có liên quan <i>Affiliated organization</i>
10.2	Trần Văn Đơ					-	-	Bổ ruột <i>Biological father</i>

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
10.3	Phạm Thị Thanh					-	-	Mẹ ruột Biological mother
10.4	Nguyễn Thị Thanh Xuân Nguyen Thi Thanh Xuan					-	-	Vợ Wife
10.5	Trần Minh Quân					-	-	Con Child
10.6	Trần Minh Khôi					-	-	Con Child
10.7	Trần Thị Kiều Phuong Tran Thi Kieu Phuong					-	-	Em gái Younger sister
10.8	Nguyễn Thanh Hương Nguyen Thanh Huong					-	-	Bố vợ Father-in-law
10.9	Nguyễn Thị Thanh Lệ Nguyen Thi Thanh Le					-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
11	Ông Nguyễn Việt Hùng Mr. Nguyen Viet Hung	-	Kế toán trưởng Chief Accountant			-	-	Bổ nhiệm ngày 01/10/2024 Appointed on 01/10/2024
11.1	Nguyễn Thành Lâm	-				-	-	Cha Father
11.2	Nguyễn Thị Thanh	-				-	-	Mẹ Mother

Stt No.	Họ tên Full name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp ID Card/Passport No., date of issue, place of issue	Địa chỉ liên hệ Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of share ownership at the end of the period	Ghi chú Notes
11.3	Nguyễn Thanh Lâm	-				-	-	Cha vợ Father-in-law
11.4	Nguyễn Thị Kim Toàn Nguyen Thi Kim Toan	-				-	-	Mẹ vợ Mother-in-law
11.5	Nguyễn Kim Thanh Thư Nguyen Kim Thanh Thu	-				-	-	Vợ Wife
11.6	Nguyễn Bảo Quân	-				-	-	Con Child
12	Bà Trần Thị Thanh Hiên Ms. Tran Thi Thanh Hien	-	Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty Person in charge of corporate governance and Company Secretary			-	-	Bổ nhiệm ngày 06/06/2025 Appointed on 06/06/2025
12.1	Trần Văn Xứng	-				-	-	Bố đẻ (đã mất) Biological father (passed away)
12.2	Nguyễn Thị Cúc	-				-	-	Mẹ đẻ Biological mother
12.3	Cao Văn Đồng	-				-	-	Bố chồng Father-in-law
12.4	Hà Thị Cúc	-				-	-	Mẹ chồng Mother-in-law

Stt <i>No.</i>	Họ tên <i>Full name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CCCD /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID Card/Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Contact address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
12.5	Cao Văn Lâm	-				-	-	Chồng <i>Husband</i>
12.6	Cao Gia Kiệt	-				-	-	Con đẻ <i>Biological child</i>
12.7	Trần Văn Nhất	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
12.8	Trần Thị Hương	-				-	-	Chị ruột <i>Older sister</i>
12.9	Trần Đức Mạnh	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
12.10	Trần Viết Thọ	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
12.11	Trần Ngọc Thắng	-				-	-	Anh ruột <i>Older brother</i>
12.12	Nguyễn Thị Hường	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
12.13	Bùi Đức Mạnh	-				-	-	Anh rể <i>Elder brother-in-law</i>
12.14	Bùi Thị Bích Bình	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
12.15	Trần Ngọc Huyền	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>
12.16	Dương Thị Thu	-				-	-	Chị dâu <i>Elder sister-in-law</i>

